

**BỘ CÔNG THƯƠNG  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG  
KINH TẾ CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI**

Số: 602 / CĐKT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công khai quyết toán NSNN năm 2021**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI**

Căn cứ luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 và thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách hỗ trợ;

Căn cứ Thông báo số 200/TB-BCT ngày 26 tháng 09 năm 2022 của Bộ Công Thương về việc duyệt quyết toán NSNN năm 2021 cho trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội;

Căn cứ vào đề nghị của Phòng Tài chính Kế toán

**QUYẾT ĐỊNH:**

Điều 1: Công bố công khai số liệu quyết toán thu, chi NSNN năm 2021 của trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội (theo Phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Phòng Tài chính Kế toán và các bộ phận liên quan của trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Phòng QLĐT&CTHSSV;
- Lưu VT, TCKT.

**HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỜNG**  
**CAO ĐẲNG KINH TẾ**  
**CÔNG NGHIỆP**  
**HÀ NỘI**  
**TS. Đồng Trung Chính**

Hà Nội, ngày 22 tháng 9 năm 2022

**THÔNG BÁO****Xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2021****Đơn vị được thông báo: Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội****Mã ĐVQHNS: 1054139**

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

Căn cứ Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 của Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội và Biên bản xét duyệt quyết toán ngày 22 tháng 7 năm 2022 giữa Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội và Vụ Tài chính và Đối mới doanh nghiệp, Bộ Công Thương;

Bộ Công Thương thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2021 của Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội như sau:

**I. Phần số liệu:****1. Số liệu quyết toán**

1.1. Thu phí, lệ phí: Không có

1.2. Quyết toán chi ngân sách:

Đơn vị tính: đồng

|  |                |      |
|--|----------------|------|
| a) Số dư kinh phí năm trước chuyển sang:   | 5.000.000.000  | đồng |
| - Kinh phí Chương trình mục tiêu giáo dục nghề nghiệp việc làm và An toàn lao động (Loại 070 - 098)                                    | 5.000.000.000  | đồng |
| + Dư tạm ứng   | 1.643.480.700  | đồng |
| + Dư dự toán   | 3.356.519.300  | đồng |
| b) Dự toán được giao trong năm (QĐ số 3638/QĐ-BCT ngày 31/12/2020, QĐ số 950/QĐ-BCT ngày 19/3/2021, QĐ số 2428/QĐ-BCT ngày 28/10/2021) | 19.508.868.000 | đồng |



|   |                       |             |
|---|-----------------------|-------------|
| - Kinh phí thường xuyên/tự chủ (Loại 070-093)       | 9.000.000.000         | đồng        |
| + Thường xuyên                                      | 9.000.000.000         | đồng        |
| - Kinh phí không thường xuyên/tự chủ                | 10.508.868.000        | đồng        |
| + Kinh phí không thường xuyên (070 - 093)           | 1.500.000.000         | đồng        |
| + Kinh phí thực hiện NĐ số 86, 81 (070 - 093)       | 7.250.000.000         | đồng        |
| + Kinh phí thực hiện QĐ số 66 (070 - 093)           | 182.000.000           | đồng        |
| + Kinh phí tinh giản biên chế (070 - 093)           | 276.868.000           | đồng        |
| + Kinh phí Chương trình phát triển CNHT (280 - 309) | 1.000.000.000         | đồng        |
| + Kinh phí đào tạo lại (070 - 085)                  | 300.000.000           | đồng        |
| <b>c) Kinh phí thực nhận trong năm:</b>             | <b>22.795.137.300</b> | <b>đồng</b> |
| - Kinh phí thường xuyên/tự chủ                      | 9.000.000.000         | đồng        |
| + Thường xuyên                                      | 9.000.000.000         | đồng        |
| - Không thường xuyên                                | 13.795.137.300        | đồng        |
| + Kinh phí không thường xuyên (070 - 093)           | 1.500.000.000         | đồng        |
| + Kinh phí thực hiện NĐ số 86, 81 (070 - 093)       | 7.250.000.000         | đồng        |
| + Kinh phí thực hiện QĐ số 66 (070 - 093)           | 111.750.000           | đồng        |
| + Kinh phí tinh giản biên chế (070 - 093)           | 276.868.000           | đồng        |
| + Kinh phí CTMT giáo dục nghề nghiệp (070 - 098)    | 3.356.519.300         | đồng        |
| + Kinh phí Chương trình phát triển CNHT (280 - 309) | 1.000.000.000         | đồng        |
| + Kinh phí đào tạo lại (070 - 085)                  | 300.000.000           | đồng        |
| <b>d) Kinh phí quyết toán trong năm:</b>            | <b>24.438.618.000</b> | <b>đồng</b> |
| - Kinh phí thường xuyên/tự chủ                      | 9.000.000.000         | đồng        |
| + Thường xuyên                                      | 9.000.000.000         | đồng        |
| - Không thường xuyên                                | 15.438.618.000        | đồng        |



|   |               |      |
|---|---------------|------|
| + Kinh phí không thường xuyên (070 - 093)           | 1.500.000.000 | đồng |
| + Kinh phí thực hiện NĐ số 86, 81 (070 - 093)       | 7.250.000.000 | đồng |
| + Kinh phí thực hiện QĐ số 66 (070 - 093)           | 111.750.000   | đồng |
| + Kinh phí tinh giản biên chế (070 - 093)           | 276.868.000   | đồng |
| + Kinh phí CTMT giáo dục nghề nghiệp (070 - 098)    | 5.000.000.000 | đồng |
| + Kinh phí Chương trình phát triển CNHT (280 - 309) | 1.000.000.000 | đồng |
| + Kinh phí đào tạo lại (070 - 085)                  | 300.000.000   | đồng |
| e) Kinh phí hủy                                     | 70.250.000    | đồng |
| - Kinh phí thực hiện QĐ số 66                       | 70.250.000    | đồng |
| f) Kinh phí chuyển năm sau:                         | 0             | đồng |

(Mẫu biểu 2c kèm theo)

2. *Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính:* Trong năm không có thanh tra, kiểm toán.

3. *Thuyết minh số liệu quyết toán*

a. *Kinh phí thường xuyên (tự chủ)*

Kinh phí được giao 9.000.000.000 đồng

Kinh phí quyết toán 9.000.000.000 đồng

Đơn vị chủ yếu để chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương cho viên chức và người lao động theo quy định.

b. *Kinh phí thực hiện Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ và Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ (miễn giảm học phí)*

Kinh phí được giao 7.250.000.000 đồng

Kinh phí quyết toán 7.250.000.000 đồng

- Đơn vị đã sử dụng kinh phí cấp bù học phí để chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương cho viên chức, lao động, chi phục vụ đào tạo...

- Qua kiểm tra điểm một số hồ sơ miễn giảm học phí, về cơ bản Trường thực hiện theo quy định.



*c. Kinh phí thực hiện Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ.*

|                     |                  |
|---------------------|------------------|
| Kinh phí được giao  | 182.000.000 đồng |
| Kinh phí quyết toán | 111.750.000 đồng |
| Kinh phí hủy        | 70.250.000 đồng  |

Đơn vị đã sử dụng kinh phí để hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên, học sinh là người dân tộc thiểu số theo quy định.

*d. Kinh phí mua sắm không thường xuyên*

|                     |                    |
|---------------------|--------------------|
| Kinh phí được giao  | 1.500.000.000 đồng |
| Kinh phí quyết toán | 1.500.000.000 đồng |

Đơn vị đã sử dụng kinh phí mua sắm thiết bị ngành điện công nghiệp và điện tử công nghiệp, tổng kinh phí 1.583.155.000 đồng, gồm: ngân sách nhà nước 1.500.000.000 đồng; nguồn thu của đơn vị 83.155.000 đồng.

*e. Kinh phí CTMT giáo dục nghề nghiệp, việc làm và An toàn lao động*

|                                |                    |
|--------------------------------|--------------------|
| Kinh phí năm trước chuyển sang | 5.000.000.000 đồng |
| Kinh phí được giao             | 0 đồng             |
| Kinh phí quyết toán            | 5.000.000.000 đồng |

Đơn vị sử dụng kinh phí mua sắm thiết bị đào tạo nghề trọng điểm Máy thời trang, Kế toán, Quản trị mạng máy tính với tổng kinh phí 5.478.269.000 đồng, trong đó: Ngân sách nhà nước cấp 5.000.000.000 đồng; nguồn thu của Trường 478.269.000 đồng.

*f. Kinh phí tinh giản biên chế*

|                     |                  |
|---------------------|------------------|
| Kinh phí được giao  | 276.868.000 đồng |
| Kinh phí quyết toán | 276.868.000 đồng |

Đơn vị thực hiện tinh giản biên chế cho 04 người thôi việc ngay từ nguồn ngân sách 276.868.000 đồng; từ nguồn thu của đơn vị 77.447.000 đồng.

*g. Kinh phí đào tạo lại*

|                     |                  |
|---------------------|------------------|
| Kinh phí được giao  | 300.000.000 đồng |
| Kinh phí quyết toán | 300.000.000 đồng |

Đơn vị sử dụng kinh phí Tổ chức lớp bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp Vụ và tương đương năm 2021 cho cán bộ, công chức Bộ Công Thương. Nhiệm vụ đã được Bộ Công Thương (Vụ Tổ chức cán bộ) nghiệm thu theo Biên bản nghiệm thu sản phẩm số 89/BBNTSP-ĐTBD ngày 31 tháng 12 năm 2021.

*h. Kinh phí thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ*

|                     |                    |
|---------------------|--------------------|
| Kinh phí được giao  | 1.000.000.000 đồng |
| Kinh phí quyết toán | 1.000.000.000 đồng |

Đơn vị thực hiện Đề án Hỗ trợ tìm kiếm, phát triển thị trường tiêu thụ cho sản phẩm các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp hỗ trợ ngành cơ khí với tổng kinh phí là 1.430 triệu đồng, trong đó NSNN là 1.000 triệu đồng, đối ứng 430 triệu đồng. Đề án đã được nghiệm thu và thanh lý hợp đồng.

**II. Nội dung đối chiếu số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ**

- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm: 11.623.187.989 đồng
- Trích lập các quỹ: 11.623.187.989 đồng
- Kinh phí cải cách tiền lương: 0 đồng

*(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 2b)*

**III. Nhận xét và kiến nghị**

**1. Nhận xét**

- Thời hạn nộp và mẫu biểu báo cáo quyết toán:

Báo cáo quyết toán của đơn vị lập đầy đủ các biểu mẫu nhưng chậm nộp theo thời gian quy định.

- Về quản lý tài chính các nhiệm vụ được giao:

+ Số lao động có mặt tại thời điểm 31/12/2021 là 204 người, trong đó công chức, viên chức là 198 người, lao động theo hợp đồng 68 là 6 người. Lương và các khoản phải nộp theo lương là 20,8 tỷ đồng.

+ Qua kiểm tra điểm một số hồ sơ thanh toán các nhiệm vụ được giao, về cơ bản đơn vị thực hiện theo quy định.

- Về quy chế chi tiêu nội bộ:

Đơn vị ban hành Quyết định số 302/QĐ-CĐKT ngày 01/9/2021 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021

- Về quản lý tài sản của đơn vị:



+ Trong năm đơn vị đã thực hiện báo cáo và kê khai tài sản theo Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và Nghị định định số 151/2007/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ.

+ Đơn vị đã thực hiện việc kiểm kê tài sản theo quy định.

+ Đơn vị thực hiện thanh lý tài sản với tổng nguyên giá của tài sản là 2.974.360.536 đồng, chủ yếu là máy tính để bàn, máy in, máy chiếu, điều hòa...

- Về công tác hạch toán kế toán:

Đơn vị thực hiện theo hệ thống tài khoản và chế độ kế toán theo quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính, chứng từ phản ánh đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Sổ sách kế toán và chứng từ thu, chi được sắp xếp, đóng tập và lưu trữ đầy đủ, thuận tiện cho việc tra cứu, kiểm tra.

- Về chế độ thu, nộp ngân sách:

Đơn vị thực hiện nghĩa vụ thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh theo phương pháp trực tiếp.

- Về thực hiện đối chiếu công nợ:

Đơn vị chưa thực hiện việc đối chiếu công nợ theo quy định.

## 2. Kiến nghị:

- Thực hiện nộp Báo cáo tài chính, Báo cáo quyết toán đúng thời gian quy định;

- Trường chịu trách nhiệm về tính đúng đắn, trung thực của các đối tượng được miễn giảm theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP, Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản có liên quan;

- Tiếp tục sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp với loại hình hoạt động của đơn vị và cập nhật các văn bản quy định mới;

- Thực hiện rà soát, đối chiếu các khoản công nợ, phải thu, phải trả theo quy định;

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế (nếu có) theo quy định hiện hành./.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Nguyễn Sinh Nhật Tân (để b/c);
- Vụ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, TC.

TL. BỘ TRƯỞNG  
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ TÀI CHÍNH  
VÀ ĐỔI MỚI DOANH NGHIỆP  
PHÓ VỤ TRƯỞNG



Tào Thị Kim Vân